

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2 – MÔN NGỮ VĂN 12

NĂM HỌC: 2024 – 2025

A. KIẾN THỨC CHUNG:

I. Bài 6 “ Hồ Chí Minh – Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”

1. Hồ Chí Minh- nhà văn, nhà thơ lớn

* Về cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh có hai điểm nổi bật:

- Anh hùng dân tộc
- Danh nhân văn hóa kiệt xuất

* Về sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Sự nghiệp cứu nước giải phóng dân tộc
- Sự nghiệp văn học: truyện, thơ, văn nghị luận, ...

2. Sự nghiệp văn học.

*Quan điểm sáng tác

* Thành tựu sáng tác, phong phú lớn lao.

* Phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh độc đáo, đa dạng, thống nhất

- **Độc đáo, đa dạng:** mỗi thể loại văn học, Người đều có cách riêng, độc đáo, hấp dẫn:

+ **Văn chính luận:** Ngắn gọn, súc tích, tư duy sắc sảo, lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng đầy sức thuyết phục, giàu tính chiến đấu và đa dạng về bút pháp.

+ **Truyện và kí:** Mang tính hiện đại, thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ, nghệ thuật trào phúng vừa sắc bén, thâm thúy của phương Đông, vừa hài hước hóm hỉnh của phương Tây.

+ **Thơ ca:** Những bài thơ nhằm mục đích tuyên truyền có lời lẽ giản dị, mộc mạc, mang màu sắc dân gian hiện đại, vừa dễ nhớ vừa dễ thuộc, vừa có sức tác động trực tiếp vào tình cảm người đọc, người nghe. Những bài thơ viết theo cảm hứng nghệ thuật lại hàm súc, có sự hoà hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại, giàu chất trữ tình và tính chiến đấu.

- **Thống nhất:**

+ Nội dung: tập trung vào đề tài “chống thực dân đế quốc, chống phong kiến đại chủ, tuyên truyền cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”; trong nội dung, tư tưởng thấm nhuần tình cảm yêu nước, tinh thần dân chủ và lập trường dân tộc;

+ Hình thức: lối viết ngắn gọn, trong sáng, giản dị đi đôi với sự sáng tạo linh hoạt, luôn có sự kết hợp tự nhiên, hài hòa giữa phong vị cổ điển và tính hiện đại.

3. Những lưu ý khi đọc hiểu văn bản thơ Hồ Chí Minh

- **Thể thơ:**

+ Với các bài thơ trích trong tập “Nhật kí trong tù”, các bài thơ đều viết theo thể thơ Đường luật (Thất ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú, ngũ ngôn bát cú, ngũ ngôn trường thiên, ...)

+ Với các bài thơ tuyên truyền cách mạng, Bác sáng tác bằng nhiều thể thơ khác nhau: thơ tự do, thơ lục bát, thơ Đường luật.

- **Đặc điểm cái tôi trữ tình thường thấy trong thơ Bác:**

- + Con người có lối sống giản dị, thanh cao và phong thái ung dung tự tại giữa
- + Tha thiết yêu thiên nhiên, luôn coi thiên nhiên là người bạn tâm sự, là đối tượng thưởng thức cái đẹp...
- + Luôn nặng tình với non nước, khát khao hoà bình, độc lập.
- + Tinh thần lãng mạn, lạc quan, yêu đời của thi sĩ hoà quyện với sự cứng cỏi bản lĩnh, kiên cường bất khuất của chất chiến sĩ trong con người Hồ Chí Minh làm nên chất thép trong thơ.

- Ngôn ngữ thơ:

- + Thơ trữ tình ngôn ngữ uyên bác, cô đọng, hàm súc, giàu ý nghĩa.
- + Thơ tuyên truyền: ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, gần gũi với lời nói hằng ngày của người dân lao động...

- Yếu tố nghệ thuật:

- + Sử dụng hình ảnh ước lệ tượng trưng.
- + Bút pháp lãng mạn, tả cảnh ngụ tình,

II. Bài 7: Sự thật trong tác phẩm kí.

1. Đặc điểm thể loại phóng sự, hồi kí

	Phóng sự	Hồi kí
Điểm giống nhau	- Đều là những thể loại thuộc loại hình kí. - Đều có sự kết hợp giữa tính phi hư cấu với một số thủ pháp nghệ thuật như miêu tả, trần thuật,... + Thể hiện ở những sự kiện có thực: thời gian, địa điểm, số liệu ... + Giúp người đọc vừa thấy được sự kiện, vừa biết được những vấn đề mang ý nghĩa xã hội sâu sắc, hiểu được hoàn cảnh, tính cách, số phận nhân vật.	
Điểm khác nhau (Về nội dung, về nghệ thuật)	- Về nội dung: + Tính chân thực: Người viết bám sát hiện thực đời sống, phát hiện những sự việc, vấn đề có ý nghĩa thời sự, diễn ra trong đời sống xã hội đương thời. + Tính chiến đấu: Dùng để phản bác những nhận thức còn sai lệch; khẳng định điều tốt đẹp trong đời sống. - Về nghệ thuật: + Sử dụng những biện pháp nghiệp vụ báo chí như điều tra, phỏng vấn, đối thoại, ghi chép tại chỗ, ... + Kết hợp tư liệu thực tế và các thủ pháp hư cấu.	- Về nội dung: + Người viết kể lại những sự kiện dựa trên ấn tượng, hồi ức của cá nhân, giúp người đọc vừa thấy rõ trải nghiệm của người viết, vừa thấy được đời sống lịch sử - xã hội và văn hóa một thời đã qua. + Tính xác thực: Người viết tập trung ghi chép, soi tỏ phần hiện thực mà mình hiểu rõ với tư cách chứng nhân. - Về nghệ thuật: + Sử dụng người kể chuyện ngôi thứ nhất (tác giả trực tiếp trình bày, mô tả về sự việc, con người) + Mang đậm tính chủ quan – đặc điểm tạo nên sức hút riêng của hồi kí.

	+ Nghệ thuật trần thuật, biện pháp tu từ, ngôn ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc,...	
--	---	--

2. Yêu cầu đọc hiểu phóng sự, hồi kí

Nhận biết:

- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật trong phóng sự, hồi kí.
- Nhận biết được những dấu hiệu phân biệt giữa phóng sự, hồi kí.
- Nhận biết được yếu tố phi hư cấu trong tác phẩm. Chỉ ra được những thông tin tri thức mang tính hiện thực, khách quan và cách nhìn riêng, thái độ, quan điểm mang tính chủ quan của người viết.

Thông hiểu:

- Nêu được các sự kiện chính trong tác phẩm.
- Phân tích được những đặc điểm của hình tượng trung tâm trong phóng sự, hồi kí; lí giải được vai trò, ý nghĩa của hình tượng này trong tác phẩm.
- Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật như: miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng trong văn bản. Phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.

Vận dụng:

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình tác phẩm, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.
- Rút ra bài học từ tác phẩm; thể hiện quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.

Vận dụng cao:

- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong tác phẩm.
- Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.

II. Kiến thức Tiếng Việt.

1. Một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong VB nghị luận

- Biện pháp làm tăng tính khẳng định:

+ Sử dụng các từ ngữ mang nghĩa khẳng định: *chắc chắn, tất nhiên, rõ ràng, chỉ có thể, không thể chối cãi,...*

+ Sử dụng những từ ngữ thể hiện quy mô áp đảo, phạm vi khái quát (không trừ cá thể nào) hoặc trạng thái ổn định: *tất cả, mọi, toàn thể, luôn luôn, thường xuyên,...*

+ Sử dụng kiểu câu phổ biến câu khiến, thể hiện ý khẳng định.

+ Sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ nhấn mạnh ý được khẳng định.

- Biện pháp làm tăng tính phủ định:

+ Sử dụng các từ ngữ mang nghĩa phủ định: *chưa từng, không, không hề, chẳng, chẳng bao giờ,...*

- + Sử dụng những từ ngữ biểu thị ý nghĩa hạn chế: *không mấy, chẳng bao nhiêu, ít khi,...*
- + Sử dụng phổ biến kiểu câu hỏi thể hiện ý nghĩa nghi ngờ, chất vấn.
- + Sử dụng các danh từ, đại từ thể hiện thái độ đánh giá tiêu cực (coi thường, khinh bỉ, căm ghét,...) để chỉ đối tượng bị đả kích.

2. Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

a. Đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

Đặc điểm	Ngôn ngữ trang trọng	Ngôn ngữ thân mật
Ngữ cảnh giao tiếp	Có tính nghi thức	Thường ngày
Thái độ chủ thể; đặc điểm từ ngữ, câu được sử dụng	Thái độ lịch sự, tôn trọng đối với người tiếp nhận; những từ ngữ, câu thể hiện các ý tưởng, thông tin khách quan.	Những từ ngữ, câu thể hiện thái độ thân thiện, gần gũi với người tiếp nhận. Ở một số trường hợp đặc biệt, có thể dùng tiếng lóng, biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương,...
Cấu trúc câu	Câu thường đầy đủ thành phần và có thể được tổ chức theo cấu trúc tầng bậc phức tạp.	Câu thường ngắn và có thể rút gọn thành phần.
Tác dụng	Đảm bảo tính lịch sự, trang trọng của cuộc giao tiếp	Làm gia tăng yếu tố tình cảm, xoá bỏ hoặc thu gọn khoảng cách giữa các đối tượng giao tiếp.

b. Sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

- Có những ngữ cảnh đòi hỏi ngôn ngữ phải trung tính, không mang tính trang trọng cũng không mang tính thân mật.
- Cần căn cứ vào ngữ cảnh để lựa chọn ngôn ngữ trang trọng hay ngôn ngữ thân mật cho phù hợp. Mức độ thân mật hay trang trọng cũng cần phải được điều tiết để không vượt quá ngưỡng mà ngữ cảnh quy định.
- Trong một số tình huống giao tiếp, có thể có sự chuyển đổi linh hoạt giữa ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật, tùy thuộc vào mối quan hệ được thiết lập giữa các đối tượng giao tiếp.

III. Kiến thức về kiểu bài viết NLXH.

1. Yêu cầu của kiểu bài

- Giới thiệu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến cách ứng xử của tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình và xã hội.
- Thể hiện được quan điểm cá nhân và đưa ra được các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục về cách ứng xử trong mối quan hệ được bàn luận.
- Nêu được ý kiến trái chiều và phản bác bằng lập luận chặt chẽ, sắc bén.
- Khẳng định được tầm quan trọng của cách ứng xử đối với việc phát triển, hoàn thiện con người cá nhân và xây dựng cộng đồng.

2. Dàn ý chung

Mở bài	Giới thiệu vấn đề cần bàn luận.
Thân bài	- Nêu ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề được bàn luận. - Trình bày quan điểm và đề xuất cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp trước vấn đề được đề cập. - Sử dụng lí lẽ và bằng chứng để chứng minh cho quan điểm của mình. - Phản biện một số quan điểm trái chiều.
Kết bài	Khẳng định được tầm quan trọng của vấn đề.

B. ĐỀ KIỂM TRA NGŨ VĂN LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 120 PHÚT

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

T T	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Mức độ nhận thức						Tổng % điểm
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
1	Đọc	Thơ/ văn bản nghị luận/ truyện/ Phóng sự/ Hồi kí	6	2	15 %	3	25%	1	10%	50%
		Viết bài văn nghị luận xã hội.	1	10%		12,5%		27,5%		
Tỉ lệ				25%		37,5%		37,5%		100
Tổng			7	100%						

II. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	ĐỌC HIỂU	Văn bản Thơ, truyện, văn nghị luận,	Nhận biết: - Nhận biết được thể thơ, nhân vật trữ tình, đề tài, ngôn ngữ, hình ảnh trong thơ; nhận biết luận đề, luận điểm của văn bản	2	3	1	50

		phóng sự, hồi kí nghị luận...; nhận biết các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật trong truyện, phóng sự, hồi kí. - Nhận biết được những dấu hiệu phân biệt giữa phóng sự, hồi kí. - Nhận biết được yếu tố phi hư cấu trong tác phẩm. Chỉ ra được những thông tin tri thức mang tính hiện thực, khách quan và cách nhìn riêng, thái độ, quan điểm mang tính chủ quan của người viết. Thông hiểu: - Lí giải được vai trò của hình ảnh trong thơ. - Vai trò của lí lẽ và bằng chứng được sử dụng trong VBNL - Nêu được các sự kiện chính trong tác phẩm. - Phân tích được những đặc điểm của hình tượng trung tâm trong truyện, phóng sự, hồi kí; lí giải được vai trò, ý nghĩa của hình tượng này trong tác phẩm. - Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật như: miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết trong việc thể hiện nội dung văn bản. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng trong văn bản. Phân tích và đánh giá				
--	--	--	--	--	--	--

		được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản. - Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ tác phẩm. Vận dụng: - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình tác phẩm, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm. - Rút ra bài học từ tác phẩm; thể hiện quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong tác phẩm. - Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.				
	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.	1*	1*	1 câu TL	50

			Thông hiểu: - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 12 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.				
Tỉ lệ				25%	37,5%	37,5%	100%

C. ĐỀ LUYỆN TẬP:

ĐỀ 1.

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

04.02.2017

Lần đầu tôi đi suối Yến. Dòng suối trong tưởng tượng của tôi có lúc nên thơ như chuyến du xuân của cô gái 15 đi chơi chùa Hương mà thi thoảng tôi ngâm nga hát, có lúc lại đông nghìn nghịt, tấp nập hơn cả bến Ninh Kiều trong các bản tin thời sự.

Nay trời vừa tạnh mưa, những khoảng xanh xanh lộ ra từ vết rách của mây trời khiến tất cả rạng rỡ. Ngay cả trên khuôn mặt của những khách du xuân, vẻ lo lắng vì mưa nay đã hết. Chỉ còn nét tươi vui sẵn sàng đón một hành trình vui vẻ.

Mùa xuân, và cơn mưa đã làm suối Yến có đủ nước xanh lục dẫn đò xuôi ngược. Trên bến dưới thuyền, vẻ tấp nập chẳng có nét gì của thương lái bến Ninh Kiều. Sự thành kính nơi đất Phật khiến cả người lái đò và chúng tôi có nét trầm tư. Những cô gái trẻ miệng đỏ thắm với nụ cười duyên e lệ trong gió. Thế mà chỉ câu ca xuân thì cũng bừng tỉnh tỏa hết nét thanh xuân. Những anh chàng bị quyến rũ bởi sự tự tin ấy, quờ tay qua thuyền tính làm quen.

Dòng Yến râm ran câu chuyện đầu xuân. Ven bờ, những rặng trúc, rặng dừa nước nho nhỏ, xơ xơ. Đôi con vịt rủ nhau vào đấy. Có hang Sơn Thủy Hữu Tình. Ai hò hẹn, ai trao duyên. Trăm con mắt đổ vào nơi ấy. Tiếng vịt cạc cạc và lấp ló bóng sung, hồng hồng.

Dòng Yến sôi động. Tiếng cười về câu chuyện năm xưa. Câu chuyện hôm qua để chuẩn bị về nơi đất Phật. Rặng núi xanh hiện dần ra. Không có vẻ hùng vĩ. Mà là yên bình. Mà là nên thơ. Vẫn còn mướt láng nước của cơn mưa buổi sớm. Ánh bình minh lên, le lói tia sáng qua những đỉnh thiêng.

Nghe nói mỗi năm dòng Yến chở khoảng 8 triệu người đi trải hội chùa Hương. Người ta vẫn cấy xen lúa, đặt nơi an nghỉ của người thân ở hai bên bờ sông Yến. Người già, người trẻ biết bao lần soi mình trên dòng nước này. Có trong trẻo. Có xanh sẫm màu trời. Và tiếng mái chèo bì bõm không bị mất đi trong tiếng cười rộn rã. Dòng Yến lạ kỳ thế! Lần đầu xuôi trên đây, quờ tay, có một làn nước mùa xuân trong lành mát rượi.

(Hà Nội của Cẩm Thơ, Chu Cẩm Thơ,
NXB Văn học, 2024, tr.60-62)

Thực hiện yêu cầu:

- Câu 1.** Tính xác thực của việc ghi chép hằng ngày được thể hiện ở những yếu tố nào?
- Câu 2.** Liệt kê các chi tiết, hình ảnh miêu tả vẻ đẹp của dòng suối Yến.
- Câu 3.** Nêu tác dụng của việc sử dụng ngôi thứ nhất trong đoạn trích.
- Câu 4.** Chi tiết *Dòng suối trong tưởng tượng của tôi có lúc nên thơ như chuyến du xuân của cô gái 15 đi chơi chùa Hương mà thi thoảng tôi ngâm nga hát, có lúc lại đông nghìn nghịt, tấp nập hơn cả bến Ninh Kiều trong các bản tin thời sự* có ý nghĩa như thế nào trong việc thể hiện nội dung của đoạn trích?
- Câu 5.** Nhận xét về tư tưởng, tình cảm của người viết được thể hiện trong đoạn trích?
- Câu 6.** Thông điệp có ý nghĩa nhất với anh/chị sau khi đọc văn bản là gì?

II. VIẾT (5.0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về việc tự nhận thức bản thân của giới trẻ ngày nay.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	* Tính xác thực của việc ghi chép hằng ngày được thể hiện ở những yếu tố: - Thời gian cụ thể, xác thực: 04.02.2017 - Địa điểm cụ thể, xác thực: Dòng suối Yến ở Chùa Hương với bến Ninh Kiều, hang Sơn Thủy Hữu Tình - Số liệu cụ thể, chính xác: mỗi năm dòng Yến chở khoảng 8 triệu người đi trải hội chùa Hương.	0,75
	2	* Các chi tiết hình ảnh miêu tả vẻ đẹp của dòng suối Yến là:	0,75

	- Suối Yến có đủ nước xanh lục dẫn đò xuôi ngược - Ven bờ, những rừng trúc, rừng dừa nước nhỏ nhỏ, xơ xơ. Đôi con vịt rủ nhau vào đấy. Có hang Sơn Thủy Hữu Tình. - Trong trẻo, xanh sẫm màu trời - Một làn nước mùa xuân trong lành mát rượi.	
3	*Nêu tác dụng của việc sử dụng ngôi thứ nhất trong đoạn trích. - Đoạn nhật kí đã sử dụng ngôi thứ nhất, xưng “tôi”. Người viết ghi lại sự kiện, cảm nghĩ của cá nhân “vừa mới xảy ra” và xuất hiện trực tiếp trong văn bản. - Việc sử dụng ngôi thứ nhất trong đoạn trích trên có tác dụng: + Khắc họa cụ thể, chi tiết, xác thực vẻ đẹp của dòng suối Yến và khung cảnh đi trải hội của người dân. Vì người viết trực tiếp có mặt trong chuyến đi trải hội ở chùa Hương, được trực tiếp ngồi trên đò xuôi dòng suối Yến. + Bộc lộ chân thực những suy nghĩ, tâm trạng, cảm xúc của chủ thể trần thuật khi lần đầu được trải hội trên dòng suối Yến. Góp phần khắc họa vẻ đẹp tính cách, tâm hồn của người viết. + Khiến đoạn văn sinh động, hấp dẫn vừa có tính xác thực cao, vừa thấm đượm cảm xúc. Từ đó, tạo sự tin tưởng và thuyết phục người đọc, người nghe.	0,5
4	Câu 4. Chi tiết <i>Dòng suối trong tưởng tượng của tôi có lúc nên thơ như chuyến du xuân của cô gái 15 đi chơi chùa Hương mà thi thoảng tôi ngâm nga hát, có lúc lại đông nghìn nghịt, tấp nập hơn cả bến Ninh Kiều trong các bản tin thời sự</i> có ý nghĩa trong việc thể hiện nội dung của đoạn trích: - Khắc họa vẻ đẹp của dòng suối Yến và khung cảnh đi trải hội chùa Hương của người dân vào mùa lễ hội: + Vẻ đẹp của dòng suối Yến được tác giả so sánh với như chuyến du xuân của cô gái 15 đi chơi chùa Hương. Đó là vẻ đẹp vừa nên thơ, trữ tình, ngập tràn sắc xanh của mùa xuân vừa tươi tắn, rạng ngời, hồn nhiên của người con gái trong độ tuổi trăng rằm. + Khung cảnh trải hội trên dòng suối Yến đông đúc, náo nhiệt với hàng trăm, hàng nghìn người dân từ khắp mọi miền Tổ quốc nô nức tìm về Chùa Hương, suối Yến. - Bộc lộ chân thực tâm trạng, cảm xúc và vẻ đẹp tâm hồn của chủ thể trần thuật. + Đó là niềm vui sướng, là sự háo hức của người viết khi được lần đầu trải nghiệm lễ hội chùa Hương. + Tâm hồn tinh tế, phong phú, giàu tình yêu thiên nhiên, cuộc sống.	1,0

	5	Câu 5. Tư tưởng, tình cảm gì của người viết được thể hiện trong đoạn trích: - Tư tưởng, tình cảm của người viết được thể hiện trong đoạn trích là: Sự trân trọng ngợi ca vẻ đẹp của dòng suối Yến, của khung cảnh non nước hữu tình xung quanh di tích Chùa Hương; trân trọng phong tục trẩy hội mùa xuân – một nét đẹp văn hóa cổ truyền của dân tộc; niềm trân quý từng khoảnh khắc được hòa mình vào thiên nhiên, cuộc sống để cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên, con người. Từ đó, thức dậy tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào về vẻ đẹp của non sông đất nước và có ý thức giữ gìn, bảo vệ vẻ đẹp của quê hương đất nước.	1,0
	6	Câu 6.Hs rút ra được thông điệp có ý nghĩa. Gợi ý: - Nhận thức vẻ đẹp của thiên nhiên, quê hương, đất nước cùng những phong tục văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. - Tình yêu, niềm tự hào với cảnh sắc thiên nhiên, với những phong tục văn hóa đẹp của dân tộc. - Bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ những di tích văn hóa, lịch sử cùng những phong tục truyền thống tốt đẹp của quê hương đất nước.	
II.		VIẾT	5,0
		Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về việc tự nhận thức bản thân của giới trẻ ngày nay.	5,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài:</i> Xác định đúng yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội.	0,5
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> việc tự nhận thức bản thân của giới trẻ ngày nay.	0,5
		<i>c. Đề xuất được các hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết.</i> - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: - Giải thích: Tự nhận thức bản thân là sự hiểu biết về chính bản thân mình trên các phương diện như lí tưởng sống, mục tiêu, ước mơ, lí tưởng, lối sống, thế giới tâm hồn ... Tự nhận thức về bản thân có ý nghĩa quan trọng trong việc quyết định cách sống, hành động và sự thành công. - Biểu hiện của người biết tự nhận thức bản thân: + Biết được sở trường, sở đoản của chính bản thân. Biết xác định mục tiêu, biết lập kế hoạch cho chính bản thân mình. + Biết làm chủ cảm xúc của chính mình, biết làm chủ hoàn cảnh, tình huống khó khăn. + Biết yêu thương những người xung quanh, biết gắn kết cái tôi cá nhân của mình với cộng đồng, xã hội.	2,0

- Vai trò của việc tự nhận thức bản thân

+ Giúp cho thanh niên xác định được mục tiêu, lựa chọn được hướng đi trong cuộc đời. Khi nhận thức được bản thân mình “Mình là ai? Mình như thế nào? Mình mong muốn điều gì?” thì khi đó sự sống có ý nghĩa, mới làm được những điều giá trị.

+ Giúp thế hệ trẻ tôi luyện những phẩm chất quý giá: chăm chỉ, cần cù, lạc quan, tin tưởng vào chính mình.

+ Tạo được niềm tin với mọi người xung quanh, lan tỏa những giá trị tích cực và trở thành tấm gương cho thế hệ học tập.

- Các giải pháp để trở thành người biết tự nhận thức bản thân:

+ Trau dồi kiến thức, kỹ năng

+ Tích cực tham gia trải nghiệm, tham gia vào những hoạt động thực tiễn trong cuộc sống như trong học tập, lao động, trong công tác xã hội để có cơ hội phát huy những thế mạnh của bản thân, khắc phục các điểm yếu và vận dụng những điều đã học vào thực tế.

- Dẫn chứng:

+ Thế hệ trẻ Việt Nam đã khẳng định được sức mạnh trí tuệ, thể chất qua những tấm huy chương vàng, huy chương bạc từ những cuộc thi Olympic Toán, Lý, Hoá, Sinh hay trong những giải thể thao hàng đầu của châu lục và thế giới. Chính là những thành tích xuất sắc đó là minh chứng cho ý thức tự nhận thức bản thân mình của thế hệ trẻ.

- Bàn luận, mở rộng nâng cao

+ Tuy nhiên tự nhận thức bản thân không phải để thể hiện và đề cao cái tôi quá mức, cũng như không phải để đánh mất niềm tin vào chính mình.

+ Phê phán một bộ phận lớn thanh niên lại không suy nghĩ được như thế. Họ sống hờ hững với chính bản thân mình, họ không biết mình có năng lực, sở trường gì, không biết được ước mơ của bản thân là gì, không xác định được mục tiêu, con đường đi cho chính mình.

- Bài học rút ra:

+ Là một người trẻ, cần nhận thức được vai trò quan trọng của việc tự nhận thức bản thân để hoàn thiện nhân cách, phát triển năng lực trên hành trình trưởng thành mỗi ngày.

+ Việc thực hiện bốn phận, nhận thức bản thân của mỗi người rất đa dạng, phong phú. Hãy lựa chọn một con đường, một cách thức phù hợp nhất để nhận thức chính bản thân mình.

- Khẳng định lại vấn đề: Jim Rohn cho rằng *Chính qua sự nhận thức về nỗi đau khổ của mình mà chúng ta tiến bộ. Nỗi đau khổ của mình phải chăng cũng chính là một phần trong bản thân con người chúng ta.* Và chỉ khi chúng ta ý thức được những hay, dở của chính mình chúng ta mới trưởng thành, hoàn thiện, tiến bộ mỗi ngày. Tôi tin rằng bạn và tôi, chúng ta sẽ luôn sẵn sàng và dũng cảm để đối diện với chính bản thân mình để thay đổi chính mình và thay đổi cuộc đời. *Đời thay đổi*

	<i>khi chúng ta thay đổi và chúng ta chỉ thay đổi khi chúng ta biết tự nhận thức về mình.</i> - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm, bố cục của kiểu bài văn.	
	<i>d. Viết bài viết đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. <i>Lưu ý: HS có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	1,25
	<i>đ. Diễn đạt.</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ TỰ LUYỆN.

ĐỀ 1.

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

...Đó chính là lúc Thiên tử¹ nằm mơ... Tất cả cứ từ từ quay tròn, và tan dần, tan dần. Rồi một bóng ma trườn khấn, trắng trắng hiện lên. Nhà vua kinh hoàng run lên lập cập, vì không phải vua chúa nào cũng đều can đảm như Hăm-lét², và thông minh như thế thì lại càng không. Ngài muốn kéo chiếu che mặt mà không được.

Đường bệ và giận dữ, bóng ma nói với vị chủ hoàng cung³ thế này:

- Mi có nhận ra ta không, đứa con khốn khổ kia ơi! Ta là một trong những người khai sáng nước Nam tươi đẹp này đây. Ta là Trưng Trắc, năm 39⁴ đã cùng em gái ta là Trưng Nhị và đồng bào đánh đuổi bọn xâm lăng, trả thù chồng, giải thoát quê hương. Đừng có run lên như thế, con ơi! Mà phải lắng nghe lấy lời mẹ bảo! Chẳng hay mi có biết rằng, theo tập tục nghìn năm của nước Nam ta xưa cũ thì Hoàng đế là chịu mệnh trời để trị dân, vì thế mà được coi là con của trời, cha mẹ của dân?

...Có thấy không, con! Chẳng thể bao giờ trong niên giám nước mi lại có một vua Nam nào chịu làm tội tở đến như mi, lại có một cuộc ngự giá tuần du nào thảm hại đến mức này. Trước đây, mi đã từng phạm tội báng bổ là bệ lên bàn thờ linh thiêng của ông vải hình ảnh ghê tởm của thằng da trắng ngái ngủ và bụng phệ nọ, nó sặc lên mùi tởi, ớn mùi thây ma...

"Giờ thì mi lại sắp làm tệ hại hơn nữa. Mi sắp ca ngợi công đức của những đứa bóc lột và hiếp đáp dân mi. Mi sắp phô trương sự thịnh vượng của đất nước mi, cái thịnh vượng được sắp đặt đâu ra đấy

¹ Thiên tử: con trời

² Hamlet: nhân vật chính trong vở kịch cùng tên của văn hào Anh Shakespear. Trong đoạn đầu của vở kịch Hamlet, hoàng tử nước Đan Mạch tiếp xúc với bóng ma vua cha hiện về đòi được con báo thù.

³ Vị chủ hoàng cung: Vua Khải Định

⁴ Hai Bà Trưng khởi nghĩa năm 40

trong trí tưởng tượng quá giàu của bọn bóc lột. Mi sắp dâng bốc công ơn vô ngần và tưởng tượng của nền văn minh đã thâm nhập sơn hà xã tắc của mi bằng mũi nhọn của lưỡi lê và bằng họng súng ca-nông.

"Gà sắp gáy sáng. Sao Bắc đẩu tiến ngang trời. Nhạc tiền đang giục giã ta. Thôi, chào!"

Mồ hôi nhớp nháp đầm trán vị chúa thượng đang ngủ. Ngài muốn kêu lên. Nhưng không kêu được. Lưỡi ngài lú lại vì sợ.

(Trích *Lời than vãn của bà Trưng Trắc*, Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011)

Chú thích: Ngày 24/6/1922, tờ L' Humanité (Nhân Đạo) đăng bài "Lời than vãn của Bà Trưng Trắc" của Nguyễn Ái Quốc là một truyện ngắn hư cấu giấc mơ của vua Khải Định (lúc này đang "xa giá" đến Pháp) và mượn lời của vị nữ anh hùng dân tộc chống ngoại xâm, tác giả lên án nặng nề chế độ phong kiến Nam triều và chính vua Khải Định đã để mất nước, uơ hèn cam tâm làm tay sai cho ngoại bang.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Xác định ngôi kể của người kể chuyện.

Câu 2: Chỉ ra những từ ngữ bà Trưng Trắc tự kể về mình với Khải Định trong đoạn trích trên.

Câu 3: Việc tưởng tượng ra tình huống Khải Định mơ thấy bà Trưng Trắc hiện về có tác dụng gì?

Câu 4: Nêu hiệu quả biện pháp tu từ trong đoạn văn sau "*Mi sắp ca ngợi công đức của những đấng bóc lột và hiếp đáp dân mi. Mi sắp phô trương sự thịnh vượng của đất nước mi, cái thịnh vượng được sắp đặt đâu ra đấy trong trí tưởng tượng quá giàu của bọn bóc lột. Mi sắp dâng bốc công ơn vô ngần và tưởng tượng của nền văn minh đã thâm nhập sơn hà xã tắc của mi bằng mũi nhọn của lưỡi lê và bằng họng súng ca-nông*".

Câu 5: Theo anh/chị, truyện ngắn thể hiện những đặc điểm gì trong phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh?

Câu 6: Từ nội dung văn bản, anh/chị hãy bày tỏ suy nghĩ của bản thân về vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Ái Quốc.

Phần II. LÀM VĂN (5,0 điểm)

Anh(chị) hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của việc định hướng nghề nghiệp cho tương lai của thế hệ trẻ hiện nay.

ĐỀ 2.

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TRUNG THU

Phiên âm

*Trung thu thu nguyệt viên như kính,
Chiếu diệu nhân gian bạch tị ngân.
Gia lý đoàn viên ngật thu tiết,
Bất vong ngục lý ngật sầu nhân.
Ngục trung nhân dã thương trung thu,
Thu nguyệt thu phong đới điểm sầu.
Bất đắc tự do thương thu nguyệt,
Tâm tùy thu nguyệt cộng du du!*

Dịch nghĩa

*Trăng trung thu tròn như gương,
Chiếu rọi cõi đời, ánh trắng trắng như bạc;
Nhà ai sum họp ăn tết trung thu,
Chẳng quên người trong ngục nuốt sầu.*

*Người trong ngục cũng thương thức trung thu,
Trăng thu, gió thu đều vương sầu;
Không được tự do ngắm trăng thu,
Lòng theo cùng trăng thu vời vợi.*

Dịch thơ

*Trung thu vánh vạnh mảnh gương thu,
Sáng khắp nhân gian bạc một màu;
Sum họp nhà ai ăn tết đó,
Chẳng quên trong ngục kẻ ăn sầu.
Trung thu ta cũng tết trong tù,
Trăng gió đêm thu gọn vẻ sầu;
Chẳng được tự do mà thương nguyệt,
Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu.*

(Trích Nhật kí trong tù, Hồ Chí Minh, NXB Văn học, 2021, tr.31)

***. Chú thích:**

- Nhật ký trong tù - *Ngục trung nhật ký* - là tập thơ chữ Hán gồm 134 bài theo thể Đường luật do Hồ Chí Minh sáng tác trong thời gian bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam ở Quảng Tây, Trung Quốc, từ ngày 29 tháng 8 năm 1942 đến ngày 10 tháng 9 năm 1943. Ngoài ra, phần cuối văn bản là bút ký đọc sách và bút ký đọc báo ghi chép tóm tắt những thông tin quan trọng về chính trị, quân sự, văn hóa quốc tế và Việt Nam đương thời.
- “*Trung thu*” được xem là hai bài thơ, đánh số thứ tự 22,23 trên tổng số 134 bài

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 2. Chỉ ra cách gieo vần trong bài thơ.

Câu 3. Nêu tác dụng của nghệ thuật đối trong hai câu sau:

*Sum họp nhà ai ăn tết đó,
Chẳng quên trong ngục kẻ ăn sầu.*

Câu 4. Khái quát tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ trên.

Câu 5. Chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt của bài thơ trên với bài thơ *Ngắm trăng* của Hồ Chí Minh trong *Ngật kí trong tù*:

*Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

Câu 6. Từ văn bản, kết hợp với những hiểu biết của bản thân về thơ ca của Hồ Chí Minh, anh/chị cảm nhận được điều gì về vẻ đẹp tâm hồn của Bác?

Phần II. LÀM VĂN (5,0 điểm)

Trước những áp lực của cuộc sống hiện đại, nhiều bạn trẻ lựa chọn sống trong vùng an toàn nhưng cũng có nhiều bạn bước ra khỏi vùng an toàn để khám phá thế giới rộng lớn ngoài kia.

Là một người trẻ, anh/chị lựa chọn cách sống nào? Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) lí giải cho sự lựa chọn đó.

ĐỀ 3.

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Đoàn viên thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên". Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết.

Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh. Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng. Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn. Còn non, còn nước, còn người, Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay! Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

(Trích Di chúc, Hồ Chí Minh, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, NXB Trẻ, tr.4,5).

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản?

Câu 2. Theo đoạn trích, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định điều gì về đoàn viên thanh niên?

Câu 3. Tác giả sử dụng những từ ngữ nào để miêu tả phẩm chất của đoàn viên thanh niên và nhân dân lao động trong đoạn trích?

Câu 4. Biện pháp tu từ liệt kê có tác dụng gì trong đoạn văn sau: *Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.?*

Câu 5. Phân tích ý nghĩa về sự cần thiết của việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau.

Câu 6. Dựa vào đoạn văn và tình hình thực tế, anh/chị hãy đề xuất những giải pháp để nâng cao đời sống của nhân dân lao động, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa.

II. LÀM VĂN (5,0 điểm)

Anh, chị hãy viết bài nghị luận (khoảng 600 chữ) về cách ứng xử có văn hóa của thế hệ trẻ trên không gian mạng.

ĐỀ 4

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Ngày 26 tháng 8, chi đội Giải phóng quân đầu tiên tiến vào Thủ đô, giữa tiếng reo mừng dậy đất của đồng bào. Các nam, nữ chiến sĩ lần đầu mặc quần áo đồng phục, chân bước chưa đều, nước da phần lớn tái sạm, nhưng tràn đầy khí thế chiến thắng của một đoàn quân dày dạn trong chiến đấu, mang đến cho đồng bào niềm tin, đã có một chỗ dựa vững chắc bên cạnh đội ngũ vũ trang của hàng ngàn chiến sĩ tự vệ của Thủ đô. Bác từ Tân Trào về Hà Nội. Chúng tôi ra đón Bác tại làng Phú Thượng. Bác còn yếu sau trận sốt nặng vừa qua, vẫn giản dị với bộ quần áo vải vàng cũ và đôi giày vải. Đến 30 tháng

8, trên cả nước, chính quyền đã về tay nhân dân, trừ một đôi nơi bọn phản động Quốc dân đảng gây khó khăn như ở Vĩnh Yên.

Ngày mùng 2 tháng 9, Bác ra mắt trước mấy chục vạn đồng bào Thủ đô tại quảng trường Ba Đình với bản Tuyên ngôn độc lập lịch sử. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Cờ cách mạng nền đỏ sao vàng trở thành cờ của Tổ quốc. Hà Nội trở thành Thủ đô của nước Việt Nam độc lập. Đội quân Giải phóng Việt Nam, sau ngày cách mạng thành công, đã xuất hiện trên khắp các miền của đất nước.

Bên cạnh những chiến sĩ Cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, Du kích Ba Tor và hàng vạn chiến sĩ tự vệ, du kích của phong trào cách mạng tại khắp các chiến khu, đã có thêm hàng trăm ngàn thanh niên tình nguyện đứng dưới cờ làm người chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc. Ngày vui chưa đến hẳn, cuộc chiến đấu gian khổ còn phải dài lâu. Phía Bắc, quân Tàu Tưởng tiến vào Việt Nam. Nguyễn Hải Thần bám theo đoàn quân phù thủy đang rêu rao 13 điều thảo phạt, định dâng đất nước ta cho bọn Quốc dân đảng Trung Hoa.

Miền Nam, thực dân Pháp bám gót sau quân Anh, đã trở lại Sài Gòn. Tiếng súng xâm lược lại nổ. Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân miền Nam đã bắt đầu. Các chiến sĩ Giải phóng quân ở miền Nam, những người con yêu của khởi nghĩa Nam Kỳ, của Cách mạng tháng Tám đã đứng ở hàng đầu cùng nhân dân, với những chiếc gậy tầm vông vát nhọn, kiên quyết thực hiện lời thề của người chiến sĩ Giải phóng quân: Chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để tiêu diệt bọn xâm lược... Không một chút nghỉ ngơi, những chiến sĩ Giải phóng quân ở miền Bắc, lại cùng hàng ngàn thanh niên ưu tú lên đường tiếp tục cuộc Nam tiến.

Cuộc Nam tiến lần này đã khác hẳn, không còn là vài trung đội hoặc mấy chục người đi lén lút trong rừng sâu, giữa đêm khuya, mà đây là những đoàn tàu dài dằng dặc, chật ních những chiến sĩ, đi giữa tiếng hoan hô và hàng vạn cánh tay vẫy chào của đồng bào. "Nam Bộ là thịt của thịt Việt Nam, là máu của máu Việt Nam", lời nói của Bác Hồ luôn luôn vang dội bên tai mọi người. Kẻ thù đụng vào Nam Bộ là đụng đến lẽ sống còn của toàn dân Việt Nam, xúc phạm đến tình cảm thiêng liêng của mỗi người dân Việt Nam.

Quân thù đã trở lại. Cuộc chiến đấu của nhân dân ta ở miền Nam đã bắt đầu. Đồng bào miền Bắc và đồng bào cả nước quyết không thể ngồi yên trên khắp miền Bắc, những người nông dân tạm gác tay cày, những thanh niên học sinh tạm xếp sách vở, nô nức tòng quân, xin tiếp tục lên đường Nam tiến. Trong cuộc chiến đấu lâu dài, bền bỉ của Đảng ta và nhân dân ta mấy chục năm qua, cuộc chiến đấu của Giải phóng quân Việt Nam, sau này là Quân đội nhân dân Việt Nam, khi đó mới chỉ là bắt đầu.

(Võ Nguyên Giáp, Từ nhân dân mà ra, in trong Hồi ký cách mạng, NXB Giáo dục, 1970, tr198-199)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Xác định ngôi kể trong văn bản?

Câu 2. Đoạn văn đầu tiên của văn bản nhắc đến sự kiện lịch sử gì?

Câu 3. Dẫn ra câu văn cho thấy rõ nhất tình cảm của tác giả với miền Nam tổ quốc. Câu văn ấy mang màu sắc trang trọng hay thân mật? Vì sao?

Câu 4. Tính xác thực của thể hồi ký được thể hiện qua những yếu tố nào của văn bản?

Câu 5. Anh/chị hiểu thế nào về nhan đề của đoạn trích hồi ký: “Từ nhân dân mà ra”?

Câu 6. Từ đoạn trích trên, anh/chị có nhận xét gì về con người của đồng chí Tổng tư lệnh?

Phần II. Làm văn (5,0 điểm)

Trong Hội nghị cán bộ toàn quốc tổng kết công tác tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020 -2025 tại Hà Nội, tháng 11 năm 2020, Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng nói:

“Cái quý nhất của con người là cuộc sống và danh dự sống”

Kết nối với thực tiễn đời sống, viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: *Phải sống có danh dự.*

ĐỀ 5

I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau:

Buổi chiều đó, mùa thu 1969, ngay trước ngày nhập ngũ, tôi lần đầu tiên vào quán cà phê ấy. Tôi đi cùng cha. Cắm Chì hồi ấy ngõ nhỏ, đầu hieu, nhà cửa xập xệ; chỉ mỗi cái “Café de Paris” là hai tầng, nhưng cũng tiêu tụy, rêu mốc, tróc lở. Ở cổng bày cái kệ bán dưa cà. Bên trong, tầng trệt, thì là quán chè đậu đen, không hẳn quán chui nhưng cũng chẳng công khai. Cha tôi chào bà cụ bán dưa cà, bà cụ nhìn thấy rõ là khách quen, mới đẩy hé cánh cửa ra mời vào. Lặng lẽ đi ngang tầng trệt, vòng ra sân sau, trèo cầu thang lên áp mái. Quán cà phê chui ẩn trên đó. Một khoang gác ọp ẹp. Dăm bộ bàn ghế thấp tẹt. Khách khứa lặng lẽ như những cái bóng. Có tiếng trò chuyện nhưng rất khẽ. Tuy nhiên bầu không khí thì nồng ấm và thơm lừng, ngòn ngọt, đậm đặc, một thứ hương vị chẳng lời nào diễn tả được. Đây là lần đầu tiên tôi được thưởng thức cà phê một cách đúng điệu Hà thành. Không trộn một tí ti nào bột ngô bột cám, cà phê thật sự cà phê, pha phin, đậm đặc, nhỏ từng giọt, đường thật ít. Và thuốc lá. Mọi khi đừng nói bia bọt với cà phê, nước trà cha tôi cũng nghiêm khắc cấm tiệt tôi. Vậy mà bữa ấy cả thuốc lá ông cũng cho phép. Bóc một gói Tam Đảo bao bạc, ông đưa mời tôi, như mời một người bạn. Bởi vì rằng ngày mai tôi đã là anh bộ đội nên với cha tôi kể từ đây tôi là người lớn thực thụ, ông đưa tôi đến nơi “trốn đời” ấy của người Hà Nội, nhấm nháp những giọt đắng ngắt và nghiền ngẫm ngậm ngùi bao nhiêu chuyện đời chưa từng bao giờ ông nói với tôi.

Nhâm nhi tách cà phê thứ nhất rồi thứ nhì, hết điều thuốc này nói điều thuốc khác, cha tôi trầm tư, lúc nói lúc ngừng lặng, trở về với thời tuổi trẻ của ông ở Huế, học trường Quốc học, tham gia Cách mạng, nổ súng đánh Tây. Ông kể về ngôi nhà và khu vườn của ông bà nội tôi ở bên hồ Tịnh Tâm gần Đại Nội, mà vào cuối năm 1946 các cụ đã phải rời bỏ, tản cư chạy giặc. Cha tôi nói về nỗi đau lòng của bà tôi, nước mắt của bà hồi năm 1956 hay tin Mĩ - Diệm phá hoại Tổng tuyển cử, đất nước có thể mãi mãi bị chia cắt, bà tôi có thể mãi mãi không về lại được Huế... Những câu chuyện ấy miên man lùi về một thời xa lắc, một nơi xa lắc, mà khi đó tôi cho là chẳng liên quan tới cái sự ngày mai tôi ra trận.

Nhưng trí nhớ thật kì lạ. Ngay khi đấy, thủ thực, tôi nghĩ đâu đâu, không thật sự chú tâm nghe ba tôi nói. Vậy mà về sau, dọc Trường Sơn, trong Tây Nguyên, những khi tăng vồng rừng khuya tỉnh giấc nhớ Hà Nội, và cả tôi tận bây giờ nữa, hể cứ khi nửa đêm thao thức nhớ đến cha, là tôi lại nghe thấy rõ mồn một gần như từng lời của ông ngày đó, buổi chiều tối ấy, trong cái quán Café de Paris ngõ Cắm Chì ấy.

(Trích *Café de Paris ngõ Cắm Chì*, Bảo Ninh, <http://vannghequandoi.com.vn/van-xuoi/>)

Chú thích:

Bảo Ninh tên thật là **Hoàng Ấu Phương**, sinh tại huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, quê ở xã Bảo Ninh, huyện Quảng Ninh (nay thuộc thành phố Đồng Hới), tỉnh Quảng Bình. Ông là nhà văn trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống Mĩ. Ông là một trong những nhà văn có những đóng góp cho văn học viết về đề tài chiến tranh thời kì hậu chiến. Ông nổi tiếng với các tác phẩm tiểu thuyết đặc biệt là tiểu thuyết “Nỗi buồn chiến tranh”. Bên cạnh đó, Bảo Ninh còn có những truyện ngắn, bút kí tiêu biểu như: “Khắc dấu mạn thuyền”, “Bội phản”, “Café de Paris ngõ Cắm Chì”...

Đoạn trích thuộc phần cuối tác phẩm kí “Café de Paris ngõ Cắm Chì” của ông.

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Nhân vật tôi đến quán “Café de Paris” vào thời điểm nào?

Câu 2. Theo tác giả, tách cà phê đúng điệu Hà thành có đặc điểm gì?

Câu 3. Xét theo cấu tạo ngữ pháp, câu “**và thuốc lá**” thuộc kiểu câu gì?

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê sử dụng trong câu: “*Nhâm nhi tách cà phê thứ nhất rồi thứ nhì, hết điều thuốc này nói điều thuốc khác, cha tôi trầm tư, lúc nói lúc ngừng lặng, trở về với thời tuổi trẻ của ông ở Huế, học trường Quốc học, tham gia Cách mạng, nổ súng đánh Tây.*”

Câu 5. Theo anh/chị, tại sao kí ức về những lời tâm sự của người cha lại hiện về rõ mồn một trong tâm trí tác giả khi vào chiến trường?

Câu 6. Nhận xét về tình cảm, cảm xúc của tác giả đối với “*Café de Paris*” thể hiện trong đoạn trích.

Phần II. Làm văn (5,0 điểm)

Anh/ chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: ***Biết sống vì người khác.***